

CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH
Địa chỉ: Số 11, tổ 47, xã Thụ Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH

0222
NG T
HỆM H
VÀ Đ
T NA
- TP

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Chúng tôi, các thành viên của Ban Điều hành Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Ban Điều hành

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phan Tấn Bình	Chủ tịch (Người đại diện theo pháp luật của Công ty)
Ông Phùng Quang Hải	Thành viên
Ông Phạm Đức Hiếu	Thành viên kiêm Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Thắng	Thành viên
Ông Phan Thanh Việt	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Phùng Quang Hải	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2025)
Ông Ngô Vĩnh Tĩnh	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/01/2025 và miễn nhiệm chức Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 01/01/2025)
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH
Địa chỉ: Số 11, tổ 47, xã Thụ Lâm, TP Hà Nội,
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
đính kèm Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
(tiếp theo)

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành

CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH



Phan Tấn Bình

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

Số: 2703.03 -26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ngô Bá Duy

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Nguyễn Vũ Huy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2327-2024-034-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		350.684.250.205	367.154.537.039
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		76.259.098.084	78.762.041.355
1 Tiền	111	V.1.	76.259.098.084	78.762.041.355
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		161.934.172.396	152.533.035.054
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	158.520.345.118	145.792.864.053
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	3.122.435.808	6.097.637.754
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	291.391.470	642.533.247
IV Hàng tồn kho	140	V.5.	110.823.902.075	135.319.004.894
1 Hàng tồn kho	141		110.823.902.075	135.319.004.894
V Tài sản ngắn hạn khác	150		1.667.077.650	540.455.736
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9.	1.667.077.650	531.222.208
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.	-	9.233.528
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		168.299.755.372	136.376.679.211
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		162.072.512.652	130.546.544.712
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	134.259.532.252	101.086.676.896
- Nguyên giá	222		594.098.694.044	547.294.982.032
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(459.839.161.792)	(446.208.305.136)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	27.812.980.400	29.459.867.816
- Nguyên giá	228		37.472.551.446	37.472.551.446
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.659.571.046)	(8.012.683.630)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	V.6.	2.691.530.000	720.775.000
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.691.530.000	720.775.000
V Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		3.535.712.720	5.109.359.499
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	3.535.712.720	5.109.359.499
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		518.984.005.577	503.531.216.250

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C NỢ PHẢI TRẢ	300		263.322.022.649	255.265.210.247
I Nợ ngắn hạn	310		218.532.280.411	214.571.010.933
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	105.148.843.596	75.478.706.992
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.	119.892.499	1.442.258.689
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.	5.253.948.129	8.098.187.930
4 Phải trả người lao động	314		32.254.392.653	30.403.202.828
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13.	1.464.267.016	2.666.763.983
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.	1.500.961.175	1.503.523.774
7 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.	65.765.188.066	87.589.703.426
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.024.787.277	7.388.663.311
II Nợ dài hạn	330		44.789.742.238	40.694.199.314
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.14.	1.180.000.000	1.242.000.000
2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.	43.609.742.238	39.452.199.314
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		255.661.982.928	248.266.006.003
I Vốn chủ sở hữu	410	V.16.	255.661.982.928	248.266.006.003
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		114.000.000.000	114.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		114.000.000.000	114.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		(224.400.000)	(224.400.000)
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		97.406.573.174	97.406.573.174
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.479.809.754	37.083.832.829
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		147.832.829	22.941.112.912
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		44.331.976.925	14.142.719.917
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		518.984.005.577	503.531.216.250

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LIP ĐÔNG ANH

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Phạm Thị Thúy

Phạm Đức Hiếu

Phan Tấn Bình

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	1.313.448.700.590	1.303.167.246.937
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	1.905.000.000	195.106.708
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.311.543.700.590	1.302.972.140.229
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	1.139.091.376.118	1.136.472.911.015
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		172.452.324.472	166.499.229.214
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	1.522.118.269	752.689.652
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	7.820.732.827	8.747.742.602
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.701.408.003	8.665.752.671
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	19.933.650.951	17.857.918.080
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	92.499.166.950	93.971.359.583
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		53.720.892.013	46.674.898.601
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	5.546.512.213	4.882.895.638
12. Chi phí khác	32	VI.7.	216.362.224	445.943.248
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		5.330.149.989	4.436.952.390
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		59.051.042.002	51.111.850.991
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10.	11.819.065.077	11.069.131.074
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		47.231.976.925	40.042.719.917
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	3.888,77	3.240,59

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LIP ĐÔNG ANH

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Phạm Thị Thúy



Phạm Đức Hiếu



Phan Tấn Bình

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND
Năm 2025 Năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.403.970.728.825	1.375.159.279.082
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(999.426.421.338)	(966.837.571.835)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(217.823.215.412)	(213.381.151.094)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(7.793.297.150)	(8.758.164.050)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(12.422.019.705)	(9.353.073.123)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.821.303.814	655.552.803
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(68.462.501.937)	(68.404.046.863)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		99.864.577.097	109.080.824.920
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(50.594.886.369)	(4.209.373.700)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		617.740.000	70.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		112.164.527	110.647.255
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(49.864.981.842)	(4.028.726.445)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		295.245.556.830	268.926.339.166
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(312.912.529.266)	(322.565.820.023)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(35.186.432.400)	(21.720.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(52.853.404.836)	(75.359.480.857)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(2.853.809.581)	29.692.617.618
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		78.762.041.355	48.775.368.333
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		350.866.310	294.055.404
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.1	76.259.098.084	78.762.041.355

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LIP ĐÔNG ANH

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT





Phạm Thị Thúy

Phạm Đức Hiếu

Phan Tấn Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh (gọi tắt là “Công ty”) chuyên đổi mô hình từ Xí nghiệp Xích líp xe đạp Hà Nội sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối từ năm 2009.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc thoái vốn Nhà nước giai đoạn 2017-2020, trong năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc thoái 3.600.000 cổ phần Nhà nước, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tương ứng 36.000.000.000 đồng, chiếm 60% vốn điều lệ tại Công ty.

Việc thoái vốn được thực hiện trên cơ sở được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội bằng văn bản số 1569/UBND-KT ngày 05/4/2017. Theo đó, Nhà nước đã hoàn thành việc thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại Công ty vào tháng 9 năm 2017.

Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100696 cấp lần đầu ngày 27/8/2009. Công ty có 05 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100696 thay đổi lần thứ 05 ngày 20/6/2023 thì vốn điều lệ của Công ty là **114.000.000.000 VND** (Một trăm mười bốn tỷ đồng) và người đại diện theo pháp luật là Ông Phan Tấn Bình - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Cổ phiếu của công ty đang được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã giao dịch là DFC.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;

Trụ sở chính của Công ty: Số 11, tổ 47, xã Thụ Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

6. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2025 là 1.255 người (Tại ngày 31/12/2024 là 1.241 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất và Chương trình phần mềm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất là 49 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03-05 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí thiết bị, lắp đặt, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và chi phí sửa chữa.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay. Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm trích trước chi phí lãi vay, tiền ăn ca, chi phí phải trả khác là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa vật tư, bán thành phẩm (Phụ tùng xe máy, khóa KC,...), doanh thu cung cấp dịch vụ (dịch vụ gia công sản phẩm thép...), doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng và thu nhập khác.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

16. Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

31012
CÔ
RÁCH N
ỀM TỌA
VIỆ
GIẢ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

19. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là sản xuất phụ tùng, bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ, động cơ xe và hoạt động chủ yếu trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	618.813.778	1.042.817.892
Tiền gửi ngân hàng	75.640.284.306	77.719.223.463
Cộng	76.259.098.084	78.762.041.355

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty Honda Việt Nam	40.184.585.330	-	43.794.980.025	-
Công ty TNHH Astemo Hà Nội	21.740.207.427	-	19.579.476.982	-
Công ty TNHH Yamaha motor Việt Nam	26.182.953.204	-	22.672.416.488	-
Công ty TNHH phụ tùng xe máy, ô tô Goshi Thăng Long	16.472.808.659	-	17.872.769.799	-
Công ty TNHH Lam Sơn	11.078.301.240	-	9.452.351.642	-
Các đối tượng khác	42.861.489.258	-	32.420.869.117	-
Cộng	158.520.345.118	-	145.792.864.053	-

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Carl Zeiss Pte Ltd	312.403.760	312.403.760
CMC Co., Ltd	-	1.470.519.000
Công ty CP Ứng dụng công nghệ CTM	1.475.032.680	2.717.220.000
Công ty TNHH Đầu tư TM DV PCCC An Toàn Việt	598.351.134	598.351.134
Đối tượng khác	736.648.234	999.143.860
Cộng	3.122.435.808	6.097.637.754

4. Phải thu khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Thuế TNCN phải thu của cán bộ nhân viên	291.391.470	-	503.130.775	-
Các khoản phải thu khác	-	-	139.402.472	-
Cộng	291.391.470	-	642.533.247	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	40.540.269.333	-	41.713.988.999	-
Công cụ, dụng cụ	27.998.444.728	-	36.135.740.206	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.816.979.262	-	24.971.504.133	-
Thành phẩm	26.468.208.752	-	32.497.771.556	-
Cộng	110.823.902.075	-	135.319.004.894	-

6. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Triển khai phần mềm quản lý kế hoạch	320.000.000	320.000.000
Triển khai phần mềm quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc sản phẩm bằng QR	210.000.000	210.000.000
Triển khai phần mềm kế toán 3S ERP và 3S WMS	2.161.530.000	-
Triển khai phần mềm khác	-	190.775.000
Cộng	2.691.530.000	720.775.000

7. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Đơn vị tính: VND
			Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2025	33.775.561.946	3.696.989.500	37.472.551.446
Số dư ngày 31/12/2025	33.775.561.946	3.696.989.500	37.472.551.446
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2025	5.833.227.825	2.179.455.805	8.012.683.630
Khấu hao trong năm	688.445.076	958.442.340	1.646.887.416
Số dư ngày 31/12/2025	6.521.672.901	3.137.898.145	9.659.571.046
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	27.942.334.121	1.517.533.695	29.459.867.816
Tại ngày 31/12/2025	27.253.889.045	559.091.355	27.812.980.400

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại thời điểm 31/12/2025 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 861.341.980 đồng (Tại ngày 31/12/2024: 861.341.980 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH

Địa chỉ: Số 11, tổ 47, xã Thụ Lâm, TP Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2025	133.227.648.148	399.652.668.836	11.019.765.386	3.394.899.662	547.294.982.032	
Mua trong năm	-	48.425.164.195	-	-	48.425.164.195	
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.916.299.374	-	-	-	2.916.299.374	
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.537.751.557)	-	-	(4.537.751.557)	
Số dư ngày 31/12/2025	136.143.947.522	443.540.081.474	11.019.765.386	3.394.899.662	594.098.694.044	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2025	85.789.697.487	346.896.329.186	10.127.378.801	3.394.899.662	446.208.305.136	
Khấu hao trong năm	3.559.638.863	14.204.937.225	404.032.125	-	18.168.608.213	
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.537.751.557)	-	-	(4.537.751.557)	
Số dư ngày 31/12/2025	89.349.336.350	356.563.514.854	10.531.410.926	3.394.899.662	459.839.161.792	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2025	47.437.950.661	52.756.339.650	892.386.585	-	101.086.676.896	
Tại ngày 31/12/2025	46.794.611.172	86.976.566.620	488.354.460	-	134.259.532.252	

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 57.206.460.424 đồng. (Tại ngày 31/12/2024; 34.845.746.921 đồng).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 384.483.717.010 đồng (Tại ngày 31/12/2024; 383.678.541.807 đồng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.667.077.650	531.222.208
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	466.215.983	172.380.833
Chi phí sửa chữa công trình, hạ tầng	1.200.861.667	358.841.375
b) Dài hạn	3.535.712.720	5.109.359.499
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.242.653.908	2.731.636.049
Chi phí sửa chữa công trình, hạ tầng	1.293.058.812	2.377.723.450
Cộng	5.202.790.370	5.640.581.707

10. Phải trả người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty CP Nam Thiên	9.820.001.494	9.820.001.494	11.320.179.408	11.320.179.408
Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Vật tư Thiết bị Công nghiệp	18.495.553.402	18.495.553.402	4.282.741.635	4.282.741.635
Công ty CP Thiết bị Công nghiệp Thalad Việt Nam	6.343.399.194	6.343.399.194	2.024.863.692	2.024.863.692
Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	9.633.715.809	9.633.715.809	9.175.830.564	9.175.830.564
Công ty TNHH Lam Sơn	21.373.061.429	21.373.061.429	19.029.485.938	19.029.485.938
Công ty TNHH Linh Trung ES	13.930.352.161	13.930.352.161	12.595.017.012	12.595.017.012
Đối tượng khác	25.552.760.107	25.552.760.107	17.050.588.743	17.050.588.743
Cộng	105.148.843.596	105.148.843.596	75.478.706.992	75.478.706.992

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**11. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Công nghiệp Phú Thuận Phong	-	751.993.466
DFC Korea	-	638.920.500
Công ty TNHH Xe Đạp Việt Long	43.533.989	43.533.989
Hitachi Astemo Chonburi Regional Center Ltd	71.501.722	-
Đối tượng khác	4.856.788	7.810.734
Cộng	119.892.499	1.442.258.689

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	3.647.838.456	16.224.007.039	18.327.206.340	1.544.639.155
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.503.606.386	2.503.606.386	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	593.402.066	593.402.066	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.736.416.771	11.819.065.077	12.422.019.705	3.133.462.143
Thuế thu nhập cá nhân	713.337.263	3.068.096.077	3.206.273.629	575.159.711
Thuế tài nguyên	595.440	7.527.840	7.436.160	687.120
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.286.838.312	1.286.838.312	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	69.667.584	69.667.584	-
Cộng	8.098.187.930	35.575.210.381	38.419.450.182	5.253.948.129
b) Phải thu				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	9.233.528	9.233.528	-	-
Cộng	9.233.528	9.233.528	-	-

13. Chi phí phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí lãi vay	277.561.016	369.450.163
Trích trước chi phí lãi đặt cọc	66.960.000	81.988.800
Trích trước tiền ăn ca giữa tháng	1.104.896.000	1.536.630.500
Trích trước chi phí khác	14.850.000	678.694.520
Cộng	1.464.267.016	2.666.763.983

14. Phải trả khác

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.500.961.175	1.503.523.774
Kinh phí công đoàn	957.977.105	871.285.713
Các khoản phải trả, phải nộp khác	542.984.070	632.238.061
b) Dài hạn	1.180.000.000	1.242.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.180.000.000	1.242.000.000
Cộng	2.680.961.175	2.745.523.774

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Trong năm	VND
	VND		VND	
a) Ngắn hạn				
Vay ngắn hạn	65.765.188.066	65.765.188.066	275.349.643.307	87.589.703.426
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh (1)	60.000.603.088	60.000.603.088	267.882.597.395	80.197.627.338
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh (2)	35.560.931.558	35.560.931.558	170.218.669.060	40.155.882.919
	24.439.671.530	24.439.671.530	97.663.928.335	40.041.744.419
Nợ dài hạn đến hạn trả	5.764.584.978	5.764.584.978	7.467.045.912	7.392.076.088
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh (1)	3.076.800.000	3.076.800.000	3.076.800.000	6.834.960.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh (2)	2.687.784.978	2.687.784.978	4.390.245.912	557.116.088
b) Dài hạn				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh (1)	43.609.742.238	43.609.742.238	27.362.959.435	39.452.199.314
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh (2)	17.474.920.830	17.474.920.830	10.002.891.930	23.866.445.138
Vay cán bộ công nhân viên (3)	14.274.603.105	14.274.603.105	17.360.067.505	1.304.781.512
	11.860.218.303	11.860.218.303	-	14.280.972.664
Cộng	109.374.930.304	109.374.930.304	302.712.602.742	127.041.902.740

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh:

- Vay ngắn hạn theo Hợp đồng vay hạn mức số 28/2024-HĐCVHM/NHCT144-XLDA ngày 28/10/2024 với hạn mức tín dụng 170 tỷ đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn duy trì hạn mức từ 28/10/2024 đến ngày 28/10/2025, lãi suất theo từng giấy nhận nợ.

- Vay trung dài hạn theo các hợp đồng:

+ Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 35/2023-HĐCVDADT/NHCT144-XLDA ngày 11/8/2023 với số tiền cam kết cho vay không vượt quá 20 tỷ đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị mở rộng sản xuất của Công ty năm 2023. Hợp đồng thế chấp động sản số 17/2023/HĐBĐ/NHCT144-XLDA ngày 09/8/2023.

+ Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 21/2025-HĐCVDADT/NHCT144-XLDA ngày 07/10/2025 với số tiền cam kết cho vay không vượt quá 14 tỷ 5 triệu đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, hệ thống PCCC để mở rộng và nâng cao năng lực sản xuất của Công ty năm 2025.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Đông Anh:

- Vay ngắn hạn theo Hợp đồng cấp tín dụng số 25062/HDCTD.DAH ngày 15/10/2025 với hạn mức tín dụng 110 tỷ đồng, thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 15/10/2025, mục đích vay được quy định cụ thể trong các Hợp đồng cho vay, thỏa thuận được lập kèm theo Hợp đồng cấp tín dụng này.

- Vay trung dài hạn theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 24040/CRC.TH/HĐTD.DAH ngày 19/11/2024, số tiền cho vay theo hợp đồng là 17 tỷ đồng, thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cố định trong 24 tháng đầu là 6,6%/năm, sau 24 tháng áp dụng lãi suất bằng lãi suất cơ sở cộng (+) margin. Mục đích vay để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị giai đoạn 2024-2025.

Các khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Đông Anh được bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 17093/DAH-HĐTC ngày 24/5/2017, Phụ lục số 1 ký ngày 28/8/2018, Phụ lục 2 ký ngày 02/7/2019; Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 20025/DAH-HĐTC ngày 27/02/2020; Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 20026/DAH-HĐTC ngày 27/02/2020; Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 20027/DAH-HĐTC ký ngày 27/02/2020 (Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 1 ngày 08/03/2021); Hợp đồng cầm cố số dư tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn của bên thứ ba số 23103/CRC.HĐCC-DAH ngày 26/7/2023 và số 24094/CRC.DAH-HĐCC ngày 25/9/2024.

(3) Khoản vay giữa Công ty Cổ phần Xích Líp Đông Anh và cán bộ công nhân viên để bổ sung vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất quy định theo từng thời kỳ theo quyết định của Công ty. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

c) *Vay và nợ thuê tài chính là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Linh Trung ES	6.000.000.000	6.000.000.000
Bạch Quốc Trung	10.882.720.000	10.882.720.000
Nguyễn Minh Tuấn	6.046.800.000	6.046.800.000
Phan Thanh Việt	14.960.000.000	14.960.000.000
Phan Thành Nam	12.012.520.000	12.012.520.000
Phùng Quang Anh	5.954.600.000	5.954.600.000
Phạm Đức Hiếu	5.736.100.000	5.736.100.000
Đặng Thế Nguyễn	7.523.250.000	11.063.250.000
Phan Tấn Bình	7.318.200.000	3.778.200.000
Các cổ đông khác	37.565.810.000	37.565.810.000
Cộng	114.000.000.000	114.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	114.000.000.000	114.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	114.000.000.000	114.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	36.936.000.000	22.800.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.400.000	11.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.400.000	11.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.400.000	11.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.400.000	11.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.400.000	11.400.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2025	01/01/2025
Ngoại tệ các loại		
Tiền gửi ngân hàng USD	1.601.644,17	409.933,04

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	105.678.385.897	105.271.051.214
Doanh thu bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	1.207.770.314.693	1.197.896.195.723
Cộng	1.313.448.700.590	1.303.167.246.937

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chiết khấu thương mại	1.905.000.000	195.106.708
Cộng	1.905.000.000	195.106.708

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn hàng hóa, vật tư đã bán	88.255.392.787	88.128.307.865
Giá vốn thành phẩm và dịch vụ đã bán	1.050.835.983.331	1.048.344.603.150
Cộng	1.139.091.376.118	1.136.472.911.015

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	112.164.527	110.647.255
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.453.536	207.332.013
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	1.408.500.206	434.710.384
Cộng	1.522.118.269	752.689.652

5. Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	7.701.408.003	8.665.752.671
Chi phí lãi đặt cọc	66.960.000	81.988.800
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	52.364.824	1.131
Cộng	7.820.732.827	8.747.742.602

b) Chi phí lãi vay với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	617.740.000	70.000.000
Thu nhập từ bán phế liệu, thanh lý CCDC	2.466.652.130	2.950.005.038
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng, tiền điện, máy móc	2.274.103.380	1.734.045.726
Thu nhập khác	188.016.703	128.844.874
Cộng	5.546.512.213	4.882.895.638

7. Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính	5.367.880	294.004.101
Chi phí truy thu thuế GTGT	-	147.820.447
Chi phí phần mềm dừng thực hiện	190.775.000	-
Chi phí khác	20.219.344	4.118.700
Cộng	216.362.224	445.943.248

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	19.933.650.951	17.857.918.080
Chi phí nhân viên	13.148.150.732	12.361.680.746
Chi phí dịch vụ mua ngoài	173.178.038	100.946.896
Chi phí bằng tiền khác	6.612.322.181	5.395.290.438
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	92.499.166.950	93.971.359.583
Chi phí nhân viên quản lý	65.710.817.358	64.114.867.980
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.178.094.821	3.178.884.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	648.561.670	895.974.850
Thuế, phí và lệ phí	89.516.503	197.457.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	392.609.783	162.897.617
Chi phí bằng tiền khác	22.479.566.815	25.421.277.446
Cộng	112.432.817.901	111.829.277.663

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	493.086.642.925	482.361.895.984
Chi phí nhân công	256.192.623.220	253.330.613.602
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.815.495.629	17.671.455.743
Chi phí dịch vụ mua ngoài	419.013.193.363	404.783.724.430

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí khác bằng tiền	48.232.158.339	46.773.602.190
Cộng	1.236.340.113.476	1.204.921.291.949

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	59.051.042.002	51.111.850.991
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	216.362.224	445.943.248
Các khoản điều chỉnh khác	(172.078.842)	(434.710.384)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	59.095.325.384	51.123.083.855
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.819.065.077	10.224.616.771
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	844.514.303
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.819.065.077	11.069.131.074

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	47.231.976.925	40.042.719.917
Các khoản điều chỉnh	(2.900.000.000)	(3.100.000.000)
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế	(2.900.000.000)	(3.100.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	44.331.976.925	36.942.719.917
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	11.400.000	11.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.888,77	3.240,59

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	295.245.556.830	268.926.339.166
Cộng	295.245.556.830	268.926.339.166

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	312.912.529.266	322.565.820.023
Cộng	312.912.529.266	322.565.820.023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a) Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty TNHH Linh Trung ES
Công ty TNHH Lam Sơn

Phạm Đức Minh

Bạch Quốc Trung

Phan Thành Nam

Phùng Quang Anh

Phan Tấn Bình

Phùng Quang Hải

Phạm Đức Hiếu

Nguyễn Minh Tuấn

Nguyễn Hữu Thắng

Phan Thanh Việt

Ngô Vĩnh Tĩnh

Nguyễn Thị Thu Hà

Trần Thị Việt Hằng

Đặng Thế Nguyễn

Nguyễn Bình An

Mối quan hệ

Cổ đông lớn

Ông Đặng Thế Nguyễn - Giám đốc Công ty TNHH Lam Sơn là cổ đông lớn của Công ty

Cổ đông Công ty, thành viên Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Linh Trung ES

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Chủ tịch HĐQT, cổ đông lớn

Cổ đông Công ty, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2025)

Thành viên HĐQT, kế toán trưởng, cổ đông lớn

Thành viên HĐQT, cổ đông lớn

Thành viên HĐQT, cổ đông Công ty

Thành viên HĐQT, cổ đông lớn

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/01/2025 và miễn nhiệm chức Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 01/01/2025), cổ đông Công ty

Phó Tổng giám đốc, cổ đông Công ty

Trưởng BKS, cổ đông Công ty

Thành viên BKS, cổ đông lớn

Thành viên BKS, cổ đông Công ty

b) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch liên kết chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Bán hàng		
Công ty TNHH Linh Trung ES	2.307.603.137	2.743.812.867
Công ty TNHH Lam Sơn	76.175.406.834	78.300.497.356

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Mua hàng

Công ty TNHH Linh Trung ES	129.711.856.796	141.820.296.674
Công ty TNHH Lam Sơn	187.008.212.627	164.728.525.612

Lãi đi vay

Phan Tấn Bình	6.362.870	7.380.928
Phùng Quang Hải	5.591.034	6.485.600
Phạm Đức Hiếu	2.489.388	2.887.688
Nguyễn Minh Tuấn	3.006.212	3.487.208
Ngô Vĩnh Tĩnh	2.079.491	2.412.208
Nguyễn Thị Thu Hà	516.673	599.340
Trần Thị Việt Hằng	326.342	378.556
Nguyễn Bình An	524.303	608.192

Chia cổ tức

Công ty TNHH Linh Trung ES	1.944.000.000	1.200.000.000
Phạm Đức Minh	1.117.800.000	690.000.000
Bạch Quốc Trung	3.526.001.280	2.176.544.000
Phan Thành Nam	3.892.056.480	2.402.504.000
Phùng Quang Anh	1.929.290.400	1.132.920.000
Phan Tấn Bình	1.224.136.800	755.640.000
Phùng Quang Hải	438.922.800	270.940.000
Phạm Đức Hiếu	1.858.496.400	1.147.220.000
Nguyễn Minh Tuấn	1.959.163.200	1.209.360.000
Nguyễn Hữu Thắng	1.785.240.000	1.102.000.000
Phan Thanh Việt	4.847.040.000	2.992.000.000
Ngô Vĩnh Tĩnh	206.012.160	127.388.000
Nguyễn Thị Thu Hà	157.107.600	126.980.000
Trần Thị Việt Hằng	42.508.800	26.240.000
Đặng Thế Nguyễn	3.584.493.000	2.125.650.000
Nguyễn Bình An	42.573.600	26.280.000

c) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND

Phải thu của khách hàng

Công ty TNHH Linh Trung ES	125.097.955	326.874.978
Công ty TNHH Lam Sơn	11.078.301.240	9.452.351.642

Phải trả người bán

Công ty TNHH Lam Sơn	21.373.061.429	19.029.485.938
Công ty TNHH Linh Trung ES	13.930.352.161	12.595.017.012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Vay

Phan Tấn Bình	106.047.840	106.047.840
Phùng Quang Hải	93.183.905	93.183.905
Phạm Đức Hiếu	41.489.793	41.489.793
Nguyễn Minh Tuấn	50.103.538	50.103.538
Ngô Vĩnh Tĩnh	34.658.188	34.658.188
Nguyễn Thị Thu Hà	8.611.219	8.611.219
Trần Thị Việt Hằng	5.439.036	5.439.036
Nguyễn Bình An	8.738.375	8.738.375

d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập Ban Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên quản lý chủ chốt khác	3.041.615.968	3.648.283.579
Thù lao của Ban Kiểm soát	72.000.000	72.000.000
Cộng	3.113.615.968	3.720.283.579

Chi tiết từng thành viên như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
--	-----------------	-----------------

Thu nhập Ban Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên quản lý chủ chốt khác

Phan Tấn Bình	Chủ tịch HĐQT	709.370.169	724.322.089
Phùng Quang Hải	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2025)	60.000.000	812.053.697
Ngô Vĩnh Tĩnh	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/01/2025) Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2025)	774.504.038	658.421.071
Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng giám đốc	659.288.808	659.141.510
Phạm Đức Hiếu	Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT	658.452.953	634.345.212
Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Hữu Thắng	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Phan Thanh Việt	Thành viên HĐQT	60.000.000	40.000.000

Thù lao của Ban Kiểm soát

Trần Thị Việt Hằng	Trưởng BKS	36.000.000	36.000.000
Đặng Thế Nguyễn	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000
Nguyễn Bình An	Thành viên BKS	18.000.000	18.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Xích lip Đông Anh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH

Người lập biểu

Phạm Thị Thúy

Kế toán trưởng

Phạm Đức Hiếu

Chủ tịch HĐQT



Phan Tấn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN XÍCH LÍP ĐÔNG ANH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

